

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01-02-2024.

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BÈ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thảo.

Ông Nông Ngọc Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị M**, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T**, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Hoàng Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Hoàng Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn ngày 10/12/2002. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng thường xuyên cãi

vã, không hợp nhau. Hai vợ chồng tôi đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Từ khi sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, tôi xin được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Hai vợ chồng tôi có 02 con chung là Hoàng Thu L, sinh ngày 20/11/1998 và Hoàng Văn N sinh ngày 28/6/2001, các con chung hiện nay đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Hoàng Văn T, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh thể hiện: Chị M và anh T đăng ký kết hôn năm 2002, sau khi kết hôn chị M và anh T về sinh sống tại thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình hai vợ chồng chị M và anh T sống tại địa phương thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, anh T thường xuyên uống rượu, cờ bạc và đánh đập chị M. Hiện nay anh T vẫn sinh sống ở địa phương. Tuy nhiên, khi Tòa án đến làm việc, giao các văn bản tố tụng cho anh T thì anh T đều không có nhà. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc vắng mặt của anh T và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không có ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành các giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị M được ly hôn anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Hai vợ chồng chị M và anh T có 02 con chung là Hoàng Thu L, sinh ngày 20/11/1998 và Hoàng Văn N sinh ngày 28/6/2001, các con

chung hiện nay đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu vì vậy đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị M và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn năm 2002. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về phía chị M trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có bản tự khai, Tòa án cũng không lấy được lời khai của anh T. Tòa án đã xác minh hiện nay anh Hoàng Văn T cư trú tại thôn N, xã M, huyện B nhưng khi Tòa án đến giao các văn bản tố tụng cho anh T đều không có nhà, không có ai nhận thay. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, để xem xét về tình trạng hôn nhân của chị M và anh T, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi sinh sống của chị M và anh T thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chị M và anh T về sinh sống ở thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi cờ bạc, uống rượu, chửi mắng, đánh đập chị M. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay. Quá trình sống ly thân không quan tâm hàn gắn tình cảm.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T đã có sự mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống gia đình cũng không đem

lại hạnh phúc cho cả hai bên. Trong quá trình giải quyết vụ án chị M và anh T cũng không có bất kỳ động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh T không chấp hành các giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Điều này càng thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị M. Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị M là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Các con chung là Hoàng Thu L, sinh ngày 20/11/1998 và Hoàng Văn N sinh ngày 28/6/2001 đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, vay nợ chung*: Chị Hoàng Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung và có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý, giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Chị Hoàng Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị M. Chị Hoàng Thị M được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị M phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001216 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị M đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- UBND xã Mỹ Phương;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Anh Tuấn